

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đức Duy

2/ Ông Nguyễn Văn Trâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 686/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lại Văn T**, sinh năm: 1966

Địa chỉ: ấp TB, xã NB, huyện CT, tỉnh TG.

- Bị đơn: **Lê Thị Thu L**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: ấp TB, xã NB, huyện CT, tỉnh TG.

(Ông T có mặt, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lại Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạng và bà Lê Thị Thu L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 1986, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, cự cãi, sống cùng nhà nhưng không ai quan tâm và cũng không nói chuyện với nhau, bà L muốn đi đâu thì đi không hỏi ý kiến của ông T. Đến năm 2017 bà L chặn điện thoại không liên lạc và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lại Mỹ T, sinh ngày 30/7/1988 và Lại Văn T, sinh ngày 18/9/1996, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Lê Thị Thu L dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định; bị đơn không thực hiện đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lại Văn T.

- Về con chung đã trưởng thành, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị Thu L dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[1] – Về nội dung yêu cầu: Ông Lại Văn T yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Thu L. Xét yêu cầu xin ly hôn của ông T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Ông T và bà L xác lập hôn nhân vào năm 1986 là tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 thì hôn nhân của ông T và bà L là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa ông T và bà L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, vợ chồng cãi vã, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông T và bà L đã không còn sống cùng nhà từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bị đơn bà Lê Thị Thu L dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng bà L cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, đồng thời tại phiên tòa bà L vắng mặt chứng tỏ bà L không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó yêu cầu xin ly hôn của ông T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Về con chung: Ông T và bà L có 02 con chung tên Lại Mỹ T, sinh ngày 30/7/1988 và Lại Văn T, sinh ngày 18/9/1996, đã trưởng thành nên không xem xét.

[1.4] Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội, ông T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lại Văn T.

- Ông Lại Văn T được ly hôn với bà Lê Thị Thu L.

2/ Về án phí: Ông Lại Văn T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010583 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh